TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 141/2024/DS-PT
Ngày 26 – 3– 2024
V/v tranh chấp yêu cầu hủy di chúc, chia thừa kế quyền sử dụng đất, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc: Tranh chấp yêu cầu hủy di chúc, chia thừa kế quyền sử dụng đất, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 408/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thúy K1, sinh năm 1979 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh C ..

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1974 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Số 179, đường T, khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

2. Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1970 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1953 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh C.

2. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1955 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh C ..

3. Bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1962 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã N, huyện U, tỉnh C.

Chổ ở hiện nay: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh C.

4. Bà Nguyễn Thị D3, sinh năm 1964 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh C.

5. Ông Nguyễn Công N1, sinh năm 1966 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh C ..

6. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1972 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh C ..

7. Bà Nguyễn Thúy K1, sinh năm 1976 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã P, huyện C, tỉnh C.

8. Chị Nguyễn Kiều L, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã L,huyện C,tỉnh C.

9. Chị Nguyễn Kiều O, sinh năm 1988 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh C.

10. Anh Nguyễn Công T1, sinh năm 1991 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh C ..

11. Ông Đặng Thành N2, sinh năm 1949 (Vắng mặt);

12. Chị Đặng Thị T2, sinh năm 1975 (Vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật của chị T2: Ông Đặng Thành N2, bà Nguyễn Thị D1 (là cha, mẹ ruột của chị T2).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh C ..

13. Bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1965 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh C ..

14. Ông Bùi Văn Y, sinh năm 1968 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Số 179, đường T, khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

15. Ông Huỳnh Văn H1, sinh năm 1962 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh C ..

16. Bà Châu Thị T3 (Vắng mặt);

17. Ông Phạm Thanh X (Phạm Thanh S2) sinh năm 1963 (Vắng mặt)

18. Ông Phạm Thanh H2, sinh năm 1948 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh C ..

19. Ngân hàng N

Địa chỉ: Đường L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Châu Đông D4; địa chỉ: Khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thúy K1 (sinh năm 1979), là nguyên đơn; Bà Nguyễn Thúy K1 (sinh năm 1976), ông Nguyễn Công N1, anh Nguyễn Công T1, bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị D3, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bà Nguyễn Thúy K1 (sinh năm 1979) trình bày:

Cha, mẹ bà K1 là cụ Nguyễn Văn Cảnh, sinh năm 1931 (chết ngày 07/12/2019) và cụ Lê Thị Bảy, sinh năm 1935 (chết ngày 06/7/2020) có 11 người con, gồm: Bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị D1, ông Nguyễn Công Khanh (ông Khanh chết 1994, ông Khanh có ba người con: Nguyễn Kiều L, Nguyễn Kiều O, Nguyễn Công T1), bà Nguyễn Thị D2, bà Nguyễn Thị D3, ông Nguyễn Công N1, ông Nguyễn Quốc C, bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thúy K1 (sinh năm 1976), bà Nguyễn Thúy K1 (sinh năm 1979).

Sinh thời cụ Cảnh và cụ Bảy có phần đất tổng diện tích 34.660m^2 được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp quyền sử dụng đất ngày 10/7/1991 do cụ Nguyễn Văn Cảnh đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Tham Trơi (nay là ấp Tham Trơi B), xã Khánh Đông (nay là xã Khánh Bình Đông), huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình sử dụng, cụ Cảnh và cụ Bảy có chuyển nhượng một phần diện tích đất cho người khác, phần diện tích còn lại 26.938m^2. Ngày 04/5/2008, cụ Cảnh và cụ Bảy có lập tờ di chúc và được Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông chứng thực ngày 04/6/2008. Theo nội dung di chúc phân chia đất cho các con cụ thể như sau:

Cho con thứ ba: Nguyễn Thị D1 phần đất vườn có vị trí giáp lộ, chiều ngang mặt tiền chạy dài theo mặt lộ 09 mét, cạnh phải và cạnh trái trở vô trong hậu 50 mét, chiều ngang mặt hậu 02 mét, diện tích 275m^2.

Cho con thứ bảy: Nguyễn Công N1: Đất vườn có vị trí giáp lộ, chiều ngang mặt tiền chạy dài theo mặt lộ 13,5 mét, cạnh phải và cạnh trái trở vô trong hậu 88,5 mét, chiều ngang mặt hậu 22 mét, diện tích 1.570,875m^2; Đất ruộng: 05 công tầm lớn, diện tích 6.480m^2.

Cho con trai thứ chín: Nguyễn Quốc Chín: Đất vườn vị trí cạnh hậu đất của cụ Cảnh và cụ Bảy, chiều ngang mặt tiền hướng ra lộ 57 mét, cạnh phải và cạnh trái trở vô trong hậu 45 mét, chiều ngang mặt hậu 59 mét, diện tích 2.610 m^2; Đất ruộng: 02 công tầm lớn, diện tích 2.592m^2

Cho con gái út: Nguyễn Thúy K1: Đất vườn vị trí giáp lộ, chiều ngang mặt tiền chạy dài theo mặt lộ 06 mét, cạnh phải và cạnh trái trở vô 40 mét, chiều ngang mặt hậu 06 mét, diện tích 240m^2.

Phần đất còn lại 1.914,125m^2 đất vườn và đất làm nhà; 11.265m^2 đất trồng lúa (theo đo đạc thực tế tại thửa số 3 diện tích 2.564,3m^2 và thửa số 6 diện tích

4.818,9m^2), nhà và một số tài sản vật dụng khác để lại cho vợ chồng Nguyễn Thị U với điều kiện được con cháu và thân tộc đồng ý. Sau khi nhận được di sản thừa kế thì vợ chồng Nguyễn Thị U có trách nhiệm phụng dưỡng chăm sóc cha mẹ đến cuối đời và có trách nhiệm thờ cúng ông, bà và phải lo cho cháu Nguyễn Công T1 mồ côi cha mẹ, chăm sóc, dạy dỗ xây dựng gia đình và lo cho tương lai của Thức với điều kiện tốt nhất.

Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị U nhận phần đất được cụ Cảnh và cụ Bảy cho theo di chúc nhưng không thực hiện theo di chúc là phụng dưỡng cụ Cảnh và cụ Bảy đến cuối đời, sau khi cụ Cảnh và cụ Bảy chết thì không thờ cúng.

Đối với bà Nguyễn Thị D1, Nguyễn Công N1, Nguyễn Quốc C và bà Nguyễn Thúy K1 đã nhận xong tài sản theo di chúc.

Trước đây, khi cụ Bảy còn sống có cầm cố cho vợ chồng bà Nguyễn Thị M1 và ông Huỳnh Văn H1 phần đất nằm trong diện tích đất cho bà Nguyễn Thị U theo di chúc bằng 12 chỉ vàng 24k để trị bệnh. Ngoài ra, cụ Cảnh và cụ Bảy còn nợ tiền vay Ngân hang chưa thanh toán.

Nay bà Nguyễn Thúy K1 khởi kiện yêu cầu hủy một phần di chúc ngày 04/5/2008 của cụ Cảnh và cụ Bảy đối với phần di sản cho vợ chồng bà Nguyễn Thị U, diện tích đất vườn 1.914,125m^2, diện tích đất trồng lúa 11.265m^2, tổng cộng hai phần đất diện tích 13.179m^2 và căn nhà trên phần đất nói trên; yêu cầu huỷ hợp đồng cầm cố đất giữa bà U với ông C.

Tại phiên tòa sơ thẩm, do bà U và ông C không thừa nhận có việc bà U cầm cố cho ông C phần đất, nhà mà cụ Cảnh và cụ Bảy di chúc cho vợ chồng bà U, nên bà K1 rút lại yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố đất giữa ông C với bà Út. Bà K1 yêu cầu buộc ông C giao lại cho bà K1 phần đất, nhà mà cụ Cảnh và cụ Bảy di chúc cho vợ chồng bà U, để bà K1 thờ cúng cha mẹ; Yêu cầu công nhận phần đất vườn theo di chúc ngày 04/5/2008 của cụ Cảnh và cụ Bảy cho bà K1 ngang 06m x dài 40m, diện tích 240m^2. Đối khoản nợ cụ Cảnh và cụ Bảy vay Ngân hàng N và nợ của bà M1, yêu cầu những người được hưởng di sản của cụ Cảnh và cụ Bảy phải có trách nhiệm trả khoản nợ này.

Đối với phần đất trước đây cụ Cảnh còn sống có chuyển nhượng cho ông Phạm Thanh H2 và phần đất cụ Nguyễn Thị Thuận (mẹ cụ Cảnh) do cụ Cảnh đứng tên quyền sử dụng, cụ Thuận đã chuyển nhượng lại cho ông Phạm Thanh Xuyên, bà K1 vẫn thống nhất các phần đất này đã chuyển nhượng cho ông H2, ông Xuyên, không đặt ra yêu cầu.

- Theo ông Nguyễn Quốc C trình bày:

Ông C thống nhất với lời trình bày của bà K1 về quan hệ gia đình và di chúc của cụ Cảnh và cụ Bảy ngày 04/5/2008.

Bà K1 cho rằng bà U cầm cố nhà, đất cho ông là không có; hiện tại ông ở trong căn nhà cha mẹ ông để lại là để trong coi nhà, nhưng ông không ở thường xuyên, do ông thường xuyên đi làm ăn xa.

Việc bà K1 yêu cầu hủy một phần di chúc ngày 04/5/2008 đối với phần di sản cho vợ chồng bà Nguyễn Thị U, ông không đồng ý.

Đối với yêu cầu của bà K1 yêu cầu công nhận phần đất vườn theo di chúc ngày 04/5/2008 của cụ Cảnh và cụ Bảy cho bà K1 ngang 06m x dài 40m, diện tích 240m^2, ông đồng ý.

Đối với các khoản nợ cha mẹ ông chết để lại bao gồm nợ Ngân hàng N và của bà Nguyễn Thị M1, ông đồng ý cùng các anh em đã hưởng di sản của cha mẹ để lại cùng trả nợ.

Đối với phần đất trước đây cụ Cảnh còn sống có chuyển nhượng cho ông Phạm Thanh H2 và phần đất cụ Nguyễn Thị Thuận (mẹ cụ Cảnh) do cụ Cảnh đứng tên quyền sử dụng, cụ Thuận đã chuyển nhượng lại cho ông Phạm Thanh Xuyên, ông vẫn thống nhất các phần đất này đã chuyển nhượng cho ông H2, ông Xuyên, không đặt ra yêu cầu.

- Theo bà Nguyễn Thị U trình bày:

Bà U thống nhất với lời trình bày của bà K1 về quan hệ gia đình và di chúc của cụ Cảnh và cụ Bảy ngày 04/5/2008.

Khi cha mẹ còn sống, vợ chồng bà vẫn lo lắng, chăm sóc cha mẹ. Khi Nguyễn Công T1 còn nhỏ, bà vẫn lo lắng, chăm sóc. Sau khi cha mẹ bà chết thì vợ chồng bà cùng các anh em vẫn thờ cúng cha mẹ. Khi Thức thành niên thì đi làm ăn, có sự nghiệp riêng; khi Thức về nhà bà vẫn lo lắng cho Thức.

Bà K1 cho rằng bà cầm cố nhà, đất cho ông C là không có. Việc bà K1 yêu cầu hủy một phần di chúc ngày 04/5/2008 đối với phần di sản cho vợ chồng bà, bà không đồng ý.

Đối với yêu cầu của bà K1 yêu cầu công nhận phần đất vườn theo di chúc ngày 04/5/2008 của cụ Cảnh và cụ Bảy cho bà K1 ngang 06m x dài 40m, diện tích 240m^2, bà đồng ý.

Đối với các khoản nợ cha mẹ ông chết để lại bao gồm nợ Ngân hàng N và của bà Nguyễn Thị M1, bà đồng ý cùng các anh em đã hưởng di sản của cha mẹ để lại cùng trả nợ.

Đối với phần đất trước đây cụ Cảnh còn sống có chuyển nhượng cho ông Phạm Thanh H2 và phần đất cụ Nguyễn Thị Thuận (mẹ cụ Cảnh) do cụ Cảnh đứng tên quyền sử dụng, cụ Thuận đã chuyển nhượng lại cho ông Phạm Thanh Xuyên, bà vẫn thống nhất các phần đất này đã chuyển nhượng cho ông H2, ông Xuyên, không đặt ra yêu cầu.

- Bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà Ấn thống nhất với lời trình bày của bà K1 về quan hệ gia đình và di chúc của cụ Cảnh và cụ Bảy ngày 04/5/2008.

Việc bà K1 cho rằng khi cha mẹ còn sống bà U không nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ là không đúng, bà U vẫn lo lắng chăm sóc cha mẹ đến cuối đời. Sau khi cha mẹ chết, vợ chồng bà U cùng các anh em trong gia đình vẫn thờ cúng cha mẹ. Đối với cháu Thức, vợ chồng bà U vẫn lo lắng, chăm sóc; bà K1 cho rằng vợ chồng bà U không lo lắng, chăm sóc là không đúng sự thật.

Trước đây, khi cha mẹ còn sống có cho ông C thuê đất, sau đó cha mẹ giận ông C nên không cho ông C thuê nữa; cha mẹ lấy đất lại cố cho bà M1, chỉ làm giả giấy chứ không có việc cầm cố đất, cha mẹ bà không có nhận của bà M1 số vàng 1,2 lượng vàng 24k.

Đối khoản nợ cha mẹ bà nợ Ngân hàng N, các anh em đã hưởng di sản của cha mẹ để lại có nghĩa vụ cùng trả. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Đối với phần đất trước đây cụ Cảnh còn sống có chuyển nhượng cho ông Phạm Thanh H2, và phần đất cụ Nguyễn Thị Thuận (mẹ cụ Cảnh) do cụ Cảnh đứng tên quyền sử dụng đất, cụ Thuận đã chuyển nhượng lại cho ông Phạm Thanh Xuyên, bà vẫn thống nhất các phần đất này đã chuyển nhượng cho ông H2, ông Xuyên, không đặt ra yêu cầu.

- Bà Nguyễn Thị D1 trình bày:

Bà D1 thống nhất với lời trình bày của bà K1 về quan hệ gia đình và di chúc của cụ Cảnh và cụ Bảy ngày 04/5/2008.

Khi cha mẹ bà còn sống, bà U lo lắng, chăm sóc như các người con khác, nhưng Nguyễn Thị Kiều (nguyên đơn) là người chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ nhiều hơn.

Khi cha mẹ bà còn sống có cầm cố phần đất cho Nguyễn Thị M1, người viết giấy cố đất là chồng của bà, bà biết được việc cầm cố đất là do chồng bà nói lại; còn việc cha mẹ bà có nhận vàng cầm cố đất từ vợ chồng bà M1 hay không thì bà không biết. Bà không có yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này.

Bà có nghe nói khi cha mẹ bà còn sống có vay tiền Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Trần Văn Thời, nhưng vay số tiền bao nhiêu thì bà không biết.

- Theo ông Đặng Thành N2 trình bày:

Phần đất hiện tại ông đang quản lý, sử dụng tại thửa số 7 diện tích 358,7m^2 là do cha mẹ vợ của ông lúc còn sống tặng cho vợ chồng ông vào khoảng năm 1988, việc tặng cho chỉ bằng lời nói. Đến ngày 04/5/2008, cha mẹ vợ ông lập di chúc cho vợ ông Nguyễn Thị D1 diện tích 275m^2 (là phần đất cha mẹ vợ tặng cho năm 1988). Đây là tài sản của cha mẹ vợ cho vợ ông, ông không có ý kiến và yêu cầu gì. Do điều kiện đi lại khó khăn, ông đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông ở các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm (nếu có).

- Bà Nguyễn Thị D2 trình bày:

Bà D2 thống nhất với lời trình bày của bà K1 về quan hệ gia đình và di chúc của cụ Cảnh và cụ Bảy ngày 04/5/2008.

Khi cha mẹ bà còn sống, vợ chồng bà U vẫn lo lắng, chăm sóc lúc mạnh khỏe cũng như khi bệnh tật như các anh em khác trong gia đình. Việc bà K1 yêu cầu hủy một phần di chúc cha mẹ cho vợ chồng bà U phần đất và nhà là không đúng. Bà không có yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này.

- Theo bà Nguyễn Thị D3 trình bày:

Bà D3 thống nhất với lời trình bày của bà K1 về quan hệ gia đình và di chúc của cụ Cảnh và cụ Bảy ngày 04/5/2008.

Bà U chỉ lo lắng, chăm sóc cho cha mẹ khi cha mẹ bệnh, còn đối với cháu Thức thì bà U không lo lắng, chăm sóc như điều kiện của di chúc để lại.

Khi cha mẹ bà còn sống có cầm cố phần đất cho Nguyễn Thị M1, nhưng bà không có chứng kiến việc thỏa thuận cầm cố; cha mẹ bà có nhận vàng cầm cố đất từ vợ chồng bà M1 hay không, bà không biết. Bà thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà K1.

Bà có nghe nói khi cha mẹ bà còn sống có vay tiền Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Trần Văn Thời, số tiền bao nhiêu bà không biết. Đối với khoảng nợ vay Ngân hàng và nợ của bà M1, các anh em ai nhận di sản cha mẹ để lại có trách nhiệm trả khoản nợ này. Bà không có yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này.

Đối với phần đất trước đây cụ Cảnh còn sống có chuyển nhượng cho ông Phạm Thanh H2 và phần đất cụ Nguyễn Thị Thuận (mẹ cụ Cảnh) do cụ Cảnh đứng tên quyền sử dụng đất, cụ Thuận đã chuyển nhượng lại cho ông Phạm Thanh Xuyên, bà vẫn thống nhất các phần đất này đã chuyển nhượng cho ông H2, ông Xuyên, không đặt ra yêu cầu.

- Bà Nguyễn Thị M1 trình bày:

Bà M1 thống nhất với lời trình bày của bà K1 về quan hệ gia đình và di chúc của cụ Cảnh và cụ Bảy ngày 04/5/2008.

Khi cha mẹ bà còn sống thì bà U có lo lắng, chăm sóc như các người con khác, nhưng bà K1 (nguyên đơn) là người chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ nhiều hơn; đối với cháu Thức thì bà U không lo lắng chăm sóc như điều kiện của di chúc để lại. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà K1.

Khi cha mẹ bà còn sống có cố phần đất cho vợ chồng bà giá 1,2 lượng vàng 24k, hiện tại phần đất bà cho ông Nguyễn Công N1 thuê để canh tác. Phần đất cha mẹ bà cầm cố cho bà thuộc một phần diện tích đất cho bà U theo di chúc.

Bà có nghe nói khi cha mẹ bà còn sống có vay tiền Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Trần Văn Thời, số tiền bao nhiêu bà không biết. Đối với khoản nợ Ngân hàng và vàng cố đất của bà, nếu các anh em ai nhận di sản của cha mẹ để lại thì có nghĩa vụ trả Ngân hàng.

Đối với phần đất trước đây cụ Cảnh còn sống có chuyển nhượng cho ông Phạm Thanh H2 và phần đất cụ Nguyễn Thị Thuận (mẹ cụ Cảnh) do cụ Cảnh đứng tên quyền sử dụng đất thì cụ Thuận đã chuyển nhượng lại cho ông Phạm Thanh Xuyên, bà vẫn thống nhất các phần đất này đã chuyển nhượng cho ông H2, ông Xuyên, không đặt ra yêu cầu.

- Ông Huỳnh Văn H1 trình bày:

Phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế thửa số 6 diện tích 4.418,9m^2 là do mẹ vợ của ông cầm cố cho vợ chồng ông giá 1,2 lượng vàng 24k (12 chỉ vàng 24k), thời hạn cố 3 năm. Sau khi cầm cố, vợ ông cho bà Nguyễn thị Đẹp thuê, hiện tại cho ông Nguyễn Công N1 đang canh tác lúa. Đối với số vàng cầm cố đất, ông

đồng ý để vợ ông là bà Nguyễn Thị M1 đứng đơn yêu cầu những người hưởng di sản thừa kế của cha mẹ vợ ông để lại phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông 1,2 lượng vàng 24k.

- Theo bà Nguyễn Thúy K1 (sinh năm 1976 trình bày:

Bà K1 thống nhất với lời trình bày của bà K1 (nguyên đơn) về quan hệ gia đình và di chúc của cụ Cảnh và cụ Bảy ngày 04/5/2008.

Khi cha mẹ bà còn sống thì bà U có lo lắng, chăm sóc như các người con khác, nhưng bà K1 (nguyên đơn) là người chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ nhiều hơn; đối với cháu Thức thì bà U không lo lắng chăm sóc như điều kiện của di chúc để lại. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà K1 (nguyên đơn).

Bà có nghe nói khi cha mẹ bà còn sống có cố đất cho bà M1, nhưng bà không có trực tiếp chứng kiến. Khi bà M1 đưa cha mẹ bà 6 hay 7 chỉ vàng 24k, bà có chứng kiến, sau đó đưa thêm nữa như thế nào thì bà không biết.

Đồng thời, bà cũng nghe nói khi cha mẹ bà còn sống có vay tiền Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Trần Văn Thời, nhưng số tiền bao nhiêu không biết. Đối với khoản nợ Ngân hàng và nợ của bà M1, nếu các anh em ai nhận di sản của cha để lại thì có nghĩa vụ trả Ngân hàng và trả bà M1.

Đối với phần đất trước đây cụ Cảnh còn sống có chuyển nhượng cho ông Phạm Thanh H2 và phần đất cụ Nguyễn Thị Thuận (mẹ cụ Cảnh) do cụ Cảnh đứng tên quyền sử dụng đất, cụ Thuận đã chuyển nhượng lại cho ông Phạm Thanh Xuyên, bà vẫn thống nhất các phần đất này đã chuyển nhượng cho ông H2, ông Xuyên, không đặt ra yêu cầu.

- Chị Nguyễn Kiều L, Nguyễn Kiều O trình bày:

Cha các chị ông Nguyễn Công Khanh chết khoảng 27 năm, cha chị có các người con Nguyễn Kiều L, Nguyễn Kiều O, Nguyễn Công T1. Trong vụ án chị không có yêu cầu chia thừa kế hay yêu cầu gì khác. Trường hợp chị được hưởng phần di sản thừa kế chị nhường lại cho Nguyễn Công T1.

- Anh Nguyễn Công T1 trình bày:

Cha anh ông Nguyễn Công Khanh chết khoảng 27 năm, cha anh có các người con Nguyễn Kiều L, Nguyễn Kiều O, Nguyễn Công T1. Trong vụ án này anh không yêu cầu Tòa án chia di sản của ông, bà nội anh để lại mà cha anh được hưởng theo quy định pháp luật. Anh xác định vợ chồng bà Nguyễn Thị U không lo lắng chăm sóc anh như vợ chồng bà U trình bày.

- Bà Châu Thị T3 và ông Phạm Thanh Xuyên trình bày:

Ngày 11/01/1989, bà Nguyễn Thị Thuận (mẹ của ông Cảnh) có chuyển nhượng cho vợ chồng ông bà phần đất diện tích 01 công đất tầm lớn theo đo đạc thực tế 1.334,5m^2, đất tọa lạc tại Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh C .. Phần đất này do ông Nguyễn Văn Cảnh đứng tên quyền sử dụng đất, do phần đất ông Cảnh thế chấp Ngân hàng quyền sử dụng đất nên không tách quyền sử dụng được. Trong vụ án này ông, bà không có yêu cầu gì, các bên tự thỏa thuận, trường hợp các bên không thỏa thuận được thì ông sẽ yêu cầu sau.

- Ông Phạm Thanh H2 trình bày:

Ngày 15/4/1996, ông Nguyễn Văn Cảnh và bà Lê Thị Bảy có chuyển nhượng cho ông phần đất diện tích 01 công đất tầm lớn (có dư) theo đo đạc thực tế 1.507,6m^2 giá chuyển nhượng 05 chỉ vàng 24k, ông đã trả vàng đầy đủ cho bà Bảy, ông Cảnh; đất toạ lạc tại ấp Tham Trơi B, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Khi ông chuyển nhượng đất của ông Cảnh ông không biết ông Cảnh thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng, sau này ông mới biết phần đất ông chuyển nhượng của bà Bảy, ông Cảnh đã thế chấp Ngân hàng. Trong vụ án này ông không có yêu cầu gì, ông và các con của ông tự thỏa thuận, nếu sau này phát sinh tranh chấp thì yêu cầu sau.

- Đại diện theo ủy quyền Ngân hàng N trình bày:

Ngày 06/12/2012, Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Trần Văn Thời với ông Nguyễn Văn Cảnh ký kết hợp đồng tín dụng số TTB 0213/HĐTD, phương thức cho vay hạn mức tín dụng, mức dư nợ cao nhất 120.000.000 đồng, mục đích vay là sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 06/11/2012, hình thức bảo đảm tiền vay là cho vay có bảo đảm bằng tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp TT 0421/HĐTC ngày 23/3/2009. Tổng dư nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/10/2023 là 175.701.778 đồng (trong đó gốc 83.000.000 đồng, lãi 92.701.778 đồng).

Ngân hàng N yêu cầu hàng thừa kế của cụ Cảnh, cụ Bảy có trách nhiệm trả cho Ngân hàng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/10/2023 là 175.701.778 đồng (trong đó gốc 83.000.000 đồng, lãi 92.701.778 đồng), phải tiếp tục chịu khoảng tiền lãi kể từ ngày 01/11/2023 đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp giữa cụ Cảnh với Ngân hàng; trường hợp không trả được nợ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 408/2023/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thúy K1 đối với bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Quốc C về việc yêu cầu hủy một phần nội dung di chúc ngày 04/5/2008 phần di sản cụ Cảnh, cụ Bảy để lại cho vợ chồng bà U phần đất, căn nhà trên đất theo đo đạc thực tế tại các thửa số 3 diện tích 2.564,3m^2 và thửa số 9 diện tích 4.818,9m^2 và yêu cầu ông Nguyễn Quốc C giao lại phần di sản tại các thửa số 3 diện tích 2.564,3m^2 và thửa số 9 diện tích 4.818,9m^2 và căn nhà trên đất cho bà Nguyễn Thúy K1 quản lý thờ cúng cha mẹ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thúy K1 yêu cầu chia thừa kế theo di chúc, công nhận một phần nội dung di chúc ngày 04/5/2008 đối phần tài sản cụ Cảnh, cụ Bảy tặng cho bà Nguyễn Thúy K1 phần đất có diện tích 240m^2 đất vườn có hiệu lực. Bà Nguyễn Thúy K1 được chia phần đất có các cạnh M2M3 dài 6m, cạnh M3M29 dài 40m, cạnh M28M29 dài 6m, cạnh M2M28 dài 40m, cạnh M2M3 dài 6m tổng diện tích 240m^2 đất tọa lạc tại ấp Tham Trơi B, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Đình chỉ đối yêu cầu của bà Nguyễn Thúy K1 yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố đất giữa bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Quốc C đối phần di sản của cụ Cảnh, cụ Bảy để lại cho bà U.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng N. Buộc hàng thừa kế của cụ Cảnh, cụ Bảy là Bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị D2, bà Nguyễn Thị D3, ông Nguyễn Công N1, bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thúy K1, bà Nguyễn Thúy K2, bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Quốc C trả cho Ngân hàng N số tiền tạm tính đến ngày 31/10/2023 là 175.701.778 đồng và phải tiếp tục chịu khoảng tiền lãi kể từ ngày 01/11/2023 đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo hợp đồng tính dụng các bên đã ký kết trong phạm vi di sản của cụ Cảnh, cụ Bảy để lại.

Tiếp tục duy trì một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số TT0421/HĐTC ngày 23/3/2009 giữa cụ Cảnh với Ngân hàng N. Vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số TT0421/HĐTC ngày 23/3/2009 giữa Ngân hàng N với cụ Cảnh đối với phần đất đã chuyển nhượng cho ông Phạm Thanh H2 theo đo đạc thực tế tại thửa số 11 diện tích 1.507,6m^2 và chuyển nhượng cho ông Phạm Thanh Xuyên theo đo đạc thực tế tại thửa số 10 diện tích là 1.334,5m^2 đất tọa lạc tại ấp Tham Trơi B, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 31/5/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH TVXD đo đạc Bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau)

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M1. Buộc hàng thừa kế của cụ Cảnh, cụ Bảy là Bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị D2, bà Nguyễn Thị D3, ông Nguyễn Công N1, bà Nguyễn Thúy K1, bà Nguyễn Thúy K1, bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Quốc C trả cho bà Nguyễn Thị M1 12 chỉ vàng 24k trong phạm vi di sản của cụ Cảnh, cụ Bảy để lại.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí, và quyền kháng của đương sự.

Ngày 16/11/2023, ông Nguyễn Công T1, bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thúy K1, bà Nguyễn Thúy K2 có đơn kháng cáo.

Ngày 17/11/2023, bà Nguyễn Thị D3, ông Nguyễn Công N1 có đơn kháng cáo.

Các đương sự kháng cáo yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị D3 vắng mặt; bà Nguyễn Thúy K1, ; bà Nguyễn Thúy K2; ông Nguyễn Công N1, anh Nguyễn Công T1; bà Nguyễn Thị M1 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thuý K1.

Phần tranh luận tại phiên toà: Các đương sự không ai có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa

đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử Đình xử xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D3, căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thúy K1 (sinh năm 1979) khởi kiện yêu cầu hủy một phần di chúc ngày 04/5/2008 của cụ Cảnh và cụ Bảy đối với phần di sản cho vợ chồng bà Nguyễn Thị U, diện tích đất vườn 1.914,125m^2, diện tích đất trồng lúa 11.265m^2, tổng diện tích 13.179m^2 (theo đo đạc thực tế tại thửa số 3 diện tích 2.564,3m^2 và thửa số 6 diện tích 4.818,9m^2 , tổng diện tích 7.383,2m^2) và căn nhà trên phần đất; buộc ông C giao lại cho bà K1 phần đất, nhà mà cụ Cảnh và cụ Bảy di chúc cho vợ chồng bà U, để bà K1 thờ cúng cha mẹ; Yêu cầu công nhận phần đất vườn theo di chúc ngày 04/5/2008 của cụ Cảnh và cụ Bảy cho bà K1 ngang 06m x dài 40m, diện tích 240m^2; đối với khoản nợ cụ Cảnh và cụ Bảy vay Ngân hàng N và nợ của bà M1, yêu cầu những người được hưởng di sản của cụ Cảnh và cụ Bảy phải có trách nhiệm trả nợ. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thúy K1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thúy K2 , ông Nguyễn Công N1, anh Nguyễn Công T1, bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị D3 có đơn kháng cáo, yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm, bà D3 vắng mặt; các đương sự có kháng cáo còn lại yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thuý K1.

[2.1] Qua phần tranh tụng tại phiên toà, nguyên đơn bà K1 có cung cấp Tờ sang đất ngày 25/10/2019 có nội dung: Cụ Bảy sang nhượng cho bà K1 03 công đất ruộng và 2.000m^2 đất vườn, đất ở; phần đất chuyển nhượng nằm trong diện tích đất mà cụ Cảnh và cụ Bảy di chúc cho bà U. Bà K1 yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa bà với cụ Bảy đối với diện tích đất nêu trên.

[2.2] Tại phiên toà, bà M1, ông N1, bà K2 xác định có việc cụ Bảy sang nhượng đất cho bà K1 như Tờ sang đất ngày 25/10/2019 do bà K1 cung cấp; đối với bà U, ông C, bà Ấn, bà D1 các định không có việc không có việc cụ Bảy sang nhượng đất cho bà K1 như Tờ sang đất do bà K1 cung cấp. Xét thấy đây là tình tiết mới phát sinh, chưa được xem xét làm rõ tại cấp sơ thẩm, nên cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét.

[2.3] Ngoài ra, khi cụ Bảy và cụ Cảnh còn sống có cầm cố cho bà M1 phần đất diện tích 03 công bằng 12 chỉ vàng 24K, phần đất nhận cầm cố hiện nay bà M1 cho ông N1 thuê để canh tác, phần đất này nằm trong diện tích đất bà U được thừa kế theo di chúc ngày 04/5/2008. Bà M1 có yêu cầu độc lập, buộc những người thừa kế của cụ Cảnh và cụ Bảy trả lại cho bà M1 12 chỉ vàng 24K. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà M1, buộc những người thừa kế của cụ Cảnh và cụ Bảy trả cho bà M1 12 chỉ vàng 24K nhưng không xem xét xử lý đối với đến hợp đồng cầm cố giữa cụ Cảnh và cụ Bảy với bà M1, hợp đồng thuê đất giữa bà M1 với ông N1 là chưa giải quyết hết các mối quan hệ, chưa giải quyết toàn diện vụ án. Cấp sơ thẩm buộc những người thừa kế của cụ Cảnh và cụ Bảy trả nợ cho Ngân hàng, trả nợ cho

bà M1 và chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chỉ buộc nghĩa vụ chung mà không xác định nghĩa vụ theo phần của từng người là không đảm bảo cho việc thi hành án.

[3] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án là phù hợp.

[4] Do huỷ bản án sơ thẩm nên cấp phúc thẩm không xem xét đối với nội dung yêu cầu kháng cáo của các đương sự.

[5] Chi phí tố tụng, tiền tạm ứng án phí sơ thẩm các đương sự đã dự nộp được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm các đương sự không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 408/2023/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau về việc yêu cầu huỷ di chúc, chia thừa kế quyền sử dụng đất, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thúy K1với bị đơn bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Quốc C.

Giao hồ sơ về cho Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Chi phí tố tụng, tiền tạm ứng án phí sơ thẩm các đương sự đã dự nộp được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thúy K1; bà Nguyễn Thúy K2; ông Nguyễn Công N1, anh Nguyễn Công T1; bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị D3 không phải chịu. Ngày 17/11/2023 ông N1, bà D3 mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng theo các biên lai số 0004102, 0004103 ; Ngày 20/11/2023 bà K2 sinh năm 1976, bà M1, anh T1, bà K2, mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng theo các biên lai số 0004107, 0004109, 0004108, 0004106 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;*
- *Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*

- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Nguyễn Thành Lập